

Số: 614 /QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 19 tháng 6 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường**  
**các công trình trên địa bàn huyện Kon Rẫy**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;  
Căn cứ Luật đất đai năm 2013;  
Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 285/TTr-STNMT ngày 05/6/2018 và ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh tại Văn bản số 1368/HĐTĐGD ngày 24/5/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất cụ thể tại xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất xây dựng các công trình Trung tâm Văn hóa huyện Kon Rẫy và Nhà điều hành sản xuất Điện lực huyện Kon Rẫy, chi tiết có Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Kon Rẫy và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (CVP, PVP<sub>NNTN</sub>);
- Lưu: VT-NNTN2

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ngọc Tuấn**

## PHỤ LỤC

**Giá đất cụ thể tại xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum để tính tiền bồi thường các công trình trên địa bàn huyện Kon Rẫy**  
(Kèm theo Quyết định số 014 QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Tên đơn vị hành chính, vị trí đất, loại đất	Giá đất theo QĐ số 72/2014/QĐ-UBND (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất theo QĐ số 59/2017/QĐ-UBND (lần)	Hệ số điều chỉnh tăng giá đất (lần)	Giá đất cụ thể (đồng/m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Công trình Trung tâm Văn hóa huyện Kon Rẫy</b>				
-	Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở, nằm xen kẽ trong khu vực đất ở tại nông thôn	12.000	1,2	8,0	96.000
<b>II</b>	<b>Công trình Nhà điều hành sản xuất Điện lực Kon Rẫy</b>				
-	Đất trồng cây hàng năm khác	8.000	1,2	8,0	64.000